



Xác định quy tắc nào phù hợp nhất để biểu diễn các số trong bảng.

Câu trả lời

1)

Số đầu	7	2	8	5	3
Số cuối	34	4	40	22	10

A. $Y + 8$

B. $Y \times 6 - 7$

C. $Y \times 6 - 8$

D. $Y \times 6 + 10$

1. _____

2)

Số đầu	8	5	2	7	3
Số cuối	73	49	25	65	33

A. $N \times 8 - 11$

B. $N \times 7 - 9$

C. $N \times 8 + 9$

D. $N \times 9$

2. _____

3. _____

3)

Số đầu	5	3	2	7	8
Số cuối	20	16	14	24	26

A. $U \times 2$

B. $U \times 2 + 10$

C. $U \times 5 - 10$

D. $U + 10$

4. _____

5. _____

4)

Số đầu	9	14	8	13	11
Số cuối	3	8	2	7	5

A. $G - 6$

B. $G + 6$

C. $G \times 7$

D. $G \times 6$

6. _____

7. _____

5)

Số đầu	13	8	10	12	7
Số cuối	8	3	5	7	2

A. $F - 5$

B. $F \times 10$

C. $F \times 5 + 11$

D. $F + 5$

8. _____

9. _____

10. _____

6)

Số đầu	8	3	2	5	7
Số cuối	32	7	2	17	27

A. $W \times 6 - 8$

B. $W + 8$

C. $W \times 5$

D. $W \times 5 - 8$

7)

Số đầu	8	3	7	5	2
Số cuối	40	15	35	25	10

A. $L \times 8 + 10$

B. $L + 5$

C. $L \times 10$

D. $L \times 5$

8)

Số đầu	5	3	7	8	2
Số cuối	50	30	70	80	20

A. $V \times 3$

B. $V \times 10$

C. $V \times 10 + 5$

D. $V \times 9 - 3$

9)

Số đầu	7	3	8	2	5
Số cuối	12	8	13	7	10

A. $P + 9$

B. $P \times 9$

C. $P + 5$

D. $P \times 5 - 8$

10)

Số đầu	3	7	5	8	2
Số cuối	9	13	11	14	8

A. $T \times 6$

B. $T \times 8 + 5$

C. $T \times 6 - 6$

D. $T + 6$



Xác định quy tắc nào phù hợp nhất để biểu diễn các số trong bảng.

Câu trả lời

1)

Số đầu	7	2	8	5	3
Số cuối	34	4	40	22	10

A. $Y + 8$

B. $Y \times 6 - 7$

C. $Y \times 6 - 8$

D. $Y \times 6 + 10$

1. **C**

2)

Số đầu	8	5	2	7	3
Số cuối	73	49	25	65	33

A. $N \times 8 - 11$

B. $N \times 7 - 9$

C. $N \times 8 + 9$

D. $N \times 9$

2. **C**

3. **B**

4. **A**

3)

Số đầu	5	3	2	7	8
Số cuối	20	16	14	24	26

A. $U \times 2$

B. $U \times 2 + 10$

C. $U \times 5 - 10$

D. $U + 10$

5. **A**

6. **D**

4)

Số đầu	9	14	8	13	11
Số cuối	3	8	2	7	5

A. $G - 6$

B. $G + 6$

C. $G \times 7$

D. $G \times 6$

7. **D**

8. **B**

5)

Số đầu	13	8	10	12	7
Số cuối	8	3	5	7	2

A. $F - 5$

B. $F \times 10$

C. $F \times 5 + 11$

D. $F + 5$

9. **C**

10. **D**

6)

Số đầu	8	3	2	5	7
Số cuối	32	7	2	17	27

A. $W \times 6 - 8$

B. $W + 8$

C. $W \times 5$

D. $W \times 5 - 8$

7)

Số đầu	8	3	7	5	2
Số cuối	40	15	35	25	10

A. $L \times 8 + 10$

B. $L + 5$

C. $L \times 10$

D. $L \times 5$

8)

Số đầu	5	3	7	8	2
Số cuối	50	30	70	80	20

A. $V \times 3$

B. $V \times 10$

C. $V \times 10 + 5$

D. $V \times 9 - 3$

9)

Số đầu	7	3	8	2	5
Số cuối	12	8	13	7	10

A. $P + 9$

B. $P \times 9$

C. $P + 5$

D. $P \times 5 - 8$

10)

Số đầu	3	7	5	8	2
Số cuối	9	13	11	14	8

A. $T \times 6$

B. $T \times 8 + 5$

C. $T \times 6 - 6$

D. $T + 6$